

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **102/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 30-9-2020

V/v: “*Ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Và Dương
Bà Trần Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán: Ông Vũ X Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 307/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 về việc “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Số 246, tổ 9, ấp 5, xã T2, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

- Bị đơn: Ông Vòng A T1, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Số 34, phố 5, ấp 3, xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T trình bày:

Sau thời gian quen biết và tìm hiểu nhau, tôi và ông T1 tự nguyện đi đến kết hôn, được UBND xã T2, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 129, ngày 09/11/2007.

Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc vì ông T1 thường xuyên ghen tuông, đánh đập vợ con, không chăm lo cho vợ con. Tôi đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông T1 vẫn không thay đổi. Đỉnh điểm là tháng 3/2014 ông T1 đã dùng

dao chém rất nhiều nhát vào người tôi gây thương tích, tôi không trình báo công an mà bỏ về nhà ngoại sống ly thân với ông T1 cho đến nay.

Hiện nay tôi không còn tình cảm gì với ông T1, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Tôi và ông T1 có 01 con chung là Vòng Thị Thanh X, sinh ngày 08/10/2008. Hiện nay con chung đang sống cùng với tôi. Ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về T1 sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Vòng A T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông T1 đều vắng mặt nên không có lời khai.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh T

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thanh T được ly hôn với ông Vòng A T1.

+ Về con chung: Giao con chung là Vòng Thị Thanh X, sinh ngày 08/10/2008 cho bà Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về T1 sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T1 liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Vòng A T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông T1.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn” quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thanh T và ông Vòng A T1 tự nguyện đi đến kết hôn, được UBND T2, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 129, ngày 09/11/2007. Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật

hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định hôn nhân giữa bà Nguyễn Thanh T và ông Vòng A T1 là hôn nhân hợp pháp.

Theo nguyên đơn bà T trình bày: Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc vì ông T1 thường xuyên ghen tuông, đánh đập vợ con, không chăm lo cho vợ con. Tôi đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông T1 vẫn không thay đổi. Đỉnh điểm là tháng 3/2014 ông T1 đã dùng dao chém rất nhiều nhát vào người tôi gây thương tích, tôi không trình báo công an mà bỏ về nhà ngoại sống ly thân với ông T1 cho đến nay. Hiện nay tôi không còn tình cảm gì với ông T1, nên tôi xin được ly hôn với ông T1.

Tòa án đã xác minh tại địa phương (công an xã P, huyện Định Quán) về tình trạng hôn nhân của bà T, ông T1, kết quả như sau: Ông Vòng A T1 có hộ khẩu thường trú và cư trú tại địa phương, ông T1 đứng tên chủ hộ. Ông T1 làm rẫy, vẫn thường xuyên đi về tại địa phương. Địa phương không nắm rõ mâu thuẫn vợ chồng bà T, ông T1 vì ông T1 đi làm từ sáng đến tối mới về. Việc bà T bị ông T1 dùng dao chém nhiều nhát vào người thì địa phương không biết vì không được gia đình bà T hoặc hàng xóm trình báo. Bà T cũng không có hình ảnh hoặc T1 liệu gì chứng minh nên công an cũng không có biện pháp xử lý. Từ năm 2014 đến nay thì không còn thấy bà T và ông T1 chung sống với nhau nữa. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T1 là có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài dẫn đến bà T, ông T1 đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay.

Bị đơn ông Vòng A T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông T1 đều vắng mặt cũng không có ý kiến phản hồi về các nội dung theo đơn khởi kiện của nguyên đơn. Điều này cho thấy ông T1 không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với bà T nữa, không có thiện chí hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Do ông T1 không đến tham gia tố tụng tại Tòa án, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Theo T1 liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định tình trạng hôn nhân giữa bà T, ông T1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh T về việc xin ly hôn với ông Vòng A T1.

[3.2] Về con chung:

Bà T và ông T1 có 01 con chung là Vòng Thị Thanh X, sinh ngày 08/10/2008. Theo trình bày của bà T và kết quả xác minh tại địa phương thì hiện nay bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Cháu Vòng Thị Thanh X có nguyện vọng được sống với bà T. Ông Vòng A T1 không đến Tòa án tham gia tố tụng; không có ý kiến, yêu cầu gì về con chung, từ đó cho thấy ông T1 không có thiện chí hòa giải về vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không có nguyện vọng nuôi con chung. Do vậy có cơ sở để giao con chung cho bà T nuôi dưỡng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét quyết định giao cháu X cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu nên tạm thời miễn cho ông T1 nghĩa vụ trên.

[3.3] Về T1 sản chung và nợ chung: Do chưa có lời khai của ông Vòng A T1 nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thanh T được ly hôn với ông Vòng A T1.

2. Về con chung: Giao con chung Vòng Thị Thanh X, sinh ngày 08/10/2008 cho bà Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông Vòng A T1 không phải cấp dưỡng nuôi con; ông T1 có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về T1 sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà T nộp, theo Biên lai thu số 0005241 ngày 02/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán được trừ vào tiền án phí bà T phải chịu.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- UBND X.T2, H.Châu Thành, T. Tiền Giang;
- Lưu.

Phạm Ngọc Quyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Hội thẩm nhân dân Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Liệu

Dương Văn Hạnh

Lê X Hòa

